

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 5 - 2024

V/v: “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thu In**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Chung Kim Sang**

Bà **Đoàn Thị Liễu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 131/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2024, về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

* N đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích L**, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: số 170, đường T, khu phố 7, phường S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: số 170, đường T, khu phố 7, phường S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 08/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L thống nhất trình bày: Chị L và anh Nguyễn Văn N tự quen nhau, chung sống có tổ chức lễ cưới năm 2007, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, nên thường xuyên xảy ra cự cãi

bất hòa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị L làm đơn xin ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị L xác định vợ chồng chung sống có 04 người con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 18/01/2013; Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 22/7/2009; Nguyễn Anh T2, sinh ngày 09/11/2019; Nguyễn Khoa N, sinh ngày 12/01/2024. Chị L yêu cầu nuôi dưỡng 04 người con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L xác định không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn N có ý kiến trình bày:

Về hôn nhân: Anh N đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích L.

Về con chung: vợ chồng chung sống có 04 người con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 18/01/2013; Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 22/7/2009; Nguyễn Anh T2, sinh ngày 09/11/2019; Nguyễn Khoa N, sinh ngày 12/01/2024. Anh N đồng ý giao 04 người con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Nguyễn Văn N. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2007, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L với anh N

[3] Về con chung: Chị L, anh N xác định quá trình chung sống có 04 người con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 18/01/2013; Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 22/7/2009; Nguyễn Anh T2, sinh ngày 09/11/2019; Nguyễn Khoa N, sinh ngày 12/01/2024. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng 04 người con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N cũng đồng ý giao 04 người con chung cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy, kể từ khi ly thân đến nay 04 người con chung đang sống chung với chị L; cháu Anh T2 và cháu Khoa N hiện nay còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ; đồng thời, tại bản trình bày nguyện vọng cháu T và cháu T1 có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ là chị L khi cha mẹ ly hôn nhau, nên để đảm bảo môi trường sống ổn định của các cháu, Hội đồng xét xử thống nhất giao 04 người con chung cho chị L tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L, anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị L, anh N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 246; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 9, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Bích L với anh Nguyễn Văn N.

2/ Về con chung: Giao 04 người con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 18/01/2013; Nguyễn Thị Bích T1, sinh ngày 22/7/2009; Nguyễn Anh T2, sinh ngày 09/11/2019; Nguyễn Khoa N, sinh ngày 12/01/2024 cho chị L tiếp tục

chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn N được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị L, anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị L, anh N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Bích L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị L được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006280 ngày 22/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 07/5/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THU IN

